

Cam Ranh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

V/v cập nhật lại thông báo điều kiện
khai thác của Bến cảng Ba Ngòi.

Kính gửi:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.
- Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGTVT ngày 19/4/2021 của Bộ Giao thông Vận tải về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng biển;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-CHHVN ngày 01/02/2007 và Quyết định số 966/QĐ-CHHVN ngày 11/10/2013 của Cục HHVN cho phép cầu cảng Ba Ngòi tiếp nhận tàu biển Việt Nam và nước ngoài cập hai phía để bốc, dỡ hàng tổng hợp, cầu 5,000DWT tiếp nhận tàu thuyền trong nước và ngoài nước chở LPG;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-CHHVN ngày 17/5/2013 và Quyết định số 971/QĐ-CHHVN ngày 11/10/2013 của Cục HHVN cho phép Cầu cảng số 2 bến cảng Ba Ngòi tiếp nhận tàu thuyền trong nước và ngoài nước bốc, dỡ hàng tổng hợp đến 50,000DWT và tàu container có kích thước tương đương, tuyến mép bên phía trong dài 116m tiếp nhận tàu trong nước và ngoài nước chở hàng tổng hợp đến 3,000DWT;

Tiếp nối Văn bản số 215/CCR-KHĐT ngày 06/6/2013 của Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh (hiện nay là Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh) V/v Thông báo điều kiện khai thác Cảng Cam Ranh, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cập nhật lại thông báo điều kiện khai thác của Bến cảng Ba Ngòi, cụ thể như sau:

1. Tên bến/cầu cảng: Bến cảng Ba Ngòi.

2. Thông số kỹ thuật cầu cảng

- Tổng chiều dài : 362m.
- Chiều rộng : 19.5m (Cầu cảng Ba ngòi) và 30m Cầu cảng số 02 – Bến cảng Ba ngòi.
- Cao trình đỉnh bên : + 4.00 (Hải đồ).
- Độ sâu trước cầu cảng (tuyến mép phía ngoài) : từ -11m đến -13.3m.
- Độ sâu trước cầu cảng (tuyến mép phía trong) : từ -5.9m đến -7.2m.
- Sức chịu tải của các bích buộc dây của tàu thuyền: từ 30 tấn đến 150 tấn.
- Số cầu cảng được khai thác : 02 cầu cảng (Cầu cảng Ba ngòi và Cầu cảng số 02 – Bến cảng Ba ngòi).
- Khả năng tiếp nhận của từng cầu cảng:

+ Cầu cảng Ba Ngòi chiều dài tiếp nhận tàu 182m, chiều rộng 19.5m bao gồm :

- Cầu phía ngoài (C1) chiều dài tiếp nhận tàu 182m; 02 bích neo 150T, 04 bích neo 75T và một số bích neo tôn cuốn D65; 10 bộ đệm va HOM-1150H, 03 bộ đệm cao su LDM 800H - 2000L và một số đệm bánh lốp; độ sâu trước bến -11m; khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 30,000 DWT.
- Cầu phía trong (C3) chiều dài tiếp nhận tàu 126.5m ; 07 bích neo 45T và một số bích neo tôn cuốn D35; 09 bộ đệm cao su LDM 400H -2500L và một số đệm bánh lốp; độ sâu trước bến -7.2m; khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 5,000 DWT.

+ Cầu cảng số 02 – Bến cảng Ba Ngòi chiều dài tiếp nhận tàu 180m, chiều rộng 30m bao gồm :

- Tuyến mép bến phía ngoài cầu cảng (C2) chiều dài tiếp nhận tàu 180m; 07 bích neo 150T; 11 bộ đệm va HOM-1150H; độ sâu trước bến -13.3m; khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 50,000 DWT.
- Tuyến mép bến phía trong cầu cảng (C5) chiều dài tiếp nhận tàu 116m; 07 bích neo 30T và một số bích neo tôn cuốn D35; 18 bộ đệm cao su LDM 400H -2000L và một số đệm va bánh lốp; độ sâu trước bến -5.9m; khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 3,000 DWT.

- Thông số tải trọng khai thác cầu cảng :

+ Cầu cảng Ba Ngòi, tải trọng hàng hóa phân bố đều :

- Dải tuyến mép bến rộng 2.25m : 2T/m².
- Dải mặt bến còn lại : 4T/m².

+ Cầu cảng số 02 – Bến cảng Ba Ngòi

- Tải trọng hàng hoá phân bố đều : 4 T/m².

3. Vị trí, độ sâu vùng đón trả hoa tiêu

- Tọa độ: 11⁰48'30''N – 109⁰12'30''E.

- Độ sâu: từ -22m đến -30m.

- Phạm vi vùng đón trả hoa tiêu được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,6 hải lý, nằm trong vùng nước cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

4. Thông số kỹ thuật của luồng chạy tàu

Từ Cảng Cam Ranh (Trước kia là Cảng Ba Ngòi) kết nối đi, đến các khu vực cảng biển khác thông qua tuyến luồng hàng hải Ba Ngòi. Tuyến luồng hàng hải công cộng Ba Ngòi được Cục Hàng hải Việt Nam (Nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) công bố đưa vào sử dụng tại Quyết định số 1091/QĐ-CHHVN ngày 07/12/2012 với thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

4.1. Thông số kỹ thuật luồng tàu theo thiết kế:

- Tổng chiều dài tuyến luồng : L = 13.0km, trong đó:

a. Đoạn luồng từ phao "0" đến cặp phao P9, P10 (khu vực làm thủ tục Hải quan):

- + Chiều dài luồng : L=10.7km
- + Chiều rộng luồng : B= 450m
- + Cao độ đáy : luồng tự nhiên

b. Đoạn luồng từ phao P9, P10 đến Bến cảng Ba Ngòi:

- + Chiều dài luồng : L=2.3km
- + Chiều rộng luồng : B= 200m
- + Cao độ đáy : luồng tự nhiên

4.2. Thông số kỹ thuật luồng tàu thực tế

Thông số kỹ thuật luồng tàu thực tế theo thông báo hàng hải số 121/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 30/5/2024 của Tổng Công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam cụ thể:

- Trong phạm vi khảo sát tuyến luồng hàng hải Ba Ngòi được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0 Hải đồ" như sau:

a. Đoạn luồng từ cách phao BHHH số "0" +1300m đến cặp phao BHHH số "9", "10" (khu vực làm thủ tục Hải quan) có chiều dài khoảng 10.7km, chiều rộng 450m như sau:

- Tồn tại các bãi đá ngầm tại vị trí có tọa độ như sau:

Đỉnh bãi đá ngầm	Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
		Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
1	10.7	11 ^o 52'48.3"N	109 ^o 11'31.2"E	11 ^o 52'44.6"N	109 ^o 11'37.6"E
2	10.8	11 ^o 52'48.9"N	109 ^o 11'31.1"E	11 ^o 52'45.2"N	109 ^o 11'37.6"E
3	12.8	11 ^o 52'49.3"N	109 ^o 11'17.5"E	11 ^o 52'45.5"N	109 ^o 11'24.0"E

- Ngoài các bãi đá ngầm nêu trên độ sâu đoạn luồng đạt 11.1m.

b. Đoạn luồng từ cặp phao BHHH số "9", "10" đến Bến cảng Ba Ngòi có chiều dài 2.3km, chiều rộng 200m, độ sâu đoạn này đạt 7.9m nằm sát biên phải luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 9.8m.

c. Chướng ngại vật: khu nuôi trồng thủy sản di động xuất hiện rải rác bên biên trái luồng, kéo dài từ phao BHHH số "8" + 740m đến phao BHHH số "10" - 100m, điểm lún luồng xa nhất 54m tại vị trí có tọa độ sau:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
11 ^o 52'47.9"N	109 ^o 10'14.5"E	11 ^o 52'44.2"N	109 ^o 10'20.9"E

5. Thông số kỹ thuật vũng quay tàu, khu nước trước bến, chất đáy

5.1. Vũng quay tàu

a. Vũng quay tại cầu cảng Ba Ngòi

Theo bình đồ Thông báo Hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước trước Bến cảng Ba Ngòi số 89/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 27/04/2023, khu nước vũng quay tàu số 03 được giới hạn bởi đường tròn đường kính $D = 165\text{m}$, tâm O_3 , tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
O_3	$11^{\circ}53'43.3''\text{N}$	$109^{\circ}08'36.1''\text{E}$	$11^{\circ}53'39.5''\text{N}$	$109^{\circ}08'42.5''\text{E}$

+ Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5m.

b. Vũng quay tại Cầu cảng số 02 – Bến cảng Ba Ngòi

- Theo bình đồ Thông báo Hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước trước Bến cảng Ba Ngòi số 89/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 27/04/2023, khu nước vũng quay tàu số 01 khu nước trước bến phía ngoài (C_2) được giới hạn bởi đường tròn đường kính $D = 330\text{m}$, tâm O_1 , tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
O_1	$11^{\circ}53'35.9''\text{N}$	$109^{\circ}08'51.9''\text{E}$	$11^{\circ}53'32.2''\text{N}$	$109^{\circ}08'58.3''\text{E}$

+ Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 11.5m.

- Theo bình đồ Thông báo Hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước trước Bến cảng Ba Ngòi số 89/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 27/04/2023, khu nước vũng quay tàu số 02 khu nước trước bến phía trong được giới hạn bởi đường tròn đường kính $D = 150\text{m}$, tâm O_2 , tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
O_2	$11^{\circ}53'43.6''\text{N}$	$109^{\circ}08'57.0''\text{E}$	$11^{\circ}53'39.9''\text{N}$	$109^{\circ}09'03.4''\text{E}$

+ Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5.5m.

5.2. Khu nước trước bến

a. Khu nước trước bến- cầu Cảng Ba Ngòi

Theo bình đồ Thông báo Hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước trước Bến cảng Ba Ngòi số 89/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 27/04/2023, nhận thấy:

- Phạm vi khu nước trước bến phía ngoài cầu cảng (C1) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau :

TT	Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ tọa độ VGS-84	
		Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
1	T1	11 ⁰ 53'42.3"N	109 ⁰ 08'38.9"E	11 ⁰ 53'38.6"N	109 ⁰ 08'45.3"E
2	T2	11 ⁰ 53'42.7"N	109 ⁰ 08'45.9"E	11 ⁰ 53'39.0"N	109 ⁰ 08'52.4"E
3	T5	11 ⁰ 53'40.3"N	109 ⁰ 08'46.1"E	11 ⁰ 53'36.6"N	109 ⁰ 08'52.6"E
4	T6	11 ⁰ 53'39.8"N	109 ⁰ 08'39.1"E	11 ⁰ 53'36.1"N	109 ⁰ 08'45.5"E

+ Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 9.9m.

- Phạm vi khu nước bên phía trong cầu cảng (C3) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau :

TT	Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ tọa độ VGS-84	
		Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
1	S1	11 ⁰ 53'44.7"N	109 ⁰ 08'38.7"E	11 ⁰ 53'40.9"N	109 ⁰ 08'45.2"E
2	A12	11 ⁰ 53'45.0"N	109 ⁰ 08'43.5"E	11 ⁰ 53'41.3"N	109 ⁰ 08'49.9"E
3	S2	11 ⁰ 53'43.4"N	109 ⁰ 08'43.6"E	11 ⁰ 53'39.7"N	109 ⁰ 08'50.0"E
4	S3	11 ⁰ 53'43.1"N	109 ⁰ 08'38.8"E	11 ⁰ 53'39.4"N	109 ⁰ 08'45.3"E

+ Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5.7m.

b. Khu nước trước bến- cầu cảng số 02 – Bến cảng Ba Ngòi

Theo bình đồ Thông báo Hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước trước bến cảng Ba Ngòi số 89/TBHH-TCTBĐATHHMN ngày 27/04/2023, nhận thấy:

- Phạm vi khu nước trước bến tuyến mép bên phía ngoài cầu cảng (C2) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

TT	Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ tọa độ VGS-84	
		Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
1	T2	11 ⁰ 53'42.7"N	109 ⁰ 08'45.9"E	11 ⁰ 53'39.0"N	109 ⁰ 08'52.4"E
2	T3	11 ⁰ 53'43.2"N	109 ⁰ 08'54.0"E	11 ⁰ 53'39.5"N	109 ⁰ 09'00.4"E
3	T4	11 ⁰ 53'40.9"N	109 ⁰ 08'55.3"E	11 ⁰ 53'37.2"N	109 ⁰ 09'01.8"E
4	T5	11 ⁰ 53'40.3"N	109 ⁰ 08'46.1"E	11 ⁰ 53'36.6"N	109 ⁰ 08'52.6"E

+ Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12.6m.

- Phạm vi khu nước trước bến tuyến mép bên phía trong cầu cảng (C5) được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

TT	Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ tọa độ VGS-84	
		Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
1	A2	11 ^o 53'45.5"N	109 ^o 08'47.9"E	11 ^o 53'41.7"N	109 ^o 08'54.3"E
2	S4	11 ^o 53'45.9"N	109 ^o 08'54.4"E	11 ^o 53'42.2"N	109 ^o 09'00.8"E
3	S5	11 ^o 53'44.4"N	109 ^o 08'54.5"E	11 ^o 53'40.7"N	109 ^o 09'00.9"E
4	S6	11 ^o 53'44.0"N	109 ^o 08'48.0"E	11 ^o 53'40.3"N	109 ^o 08'54.4"E

+ Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5.4m.

5.3. Chất đáy

- Chất đáy tại vùng nước trước bến và khu quay trở bến cảng Cam Ranh chủ yếu là bùn cát, nhuyễn thể.

6. Loại tàu, thông số kỹ thuật của tàu lớn nhất cầu cảng có thể tiếp nhận

a. Loại tàu, thông số kỹ thuật của tàu lớn nhất Cầu cảng Ba Ngòi có thể tiếp nhận

TT	Loại tàu	Trọng tải (DWT)	Lượng giãn nước (T)	Lt (m)	Bt (m)	Tc (m)	Ghi chú
1	Tàu tổng hợp	30,000	37,970	191.0	26.1	10.9	Cầu phía ngoài (C1)
2	Tàu hàng rời	30,000	38,580	193.0	26.0	10.4	Cầu phía ngoài (C1)
3	Tàu tổng hợp	5,000	7,029	111.0	16.1	7.3	Cầu phía trong (C3)
4	Tàu hàng rời	5,000	7,029	108.0	15.0	6.5	Cầu phía trong (C3)
5	Tàu LPG	5,000	7,029	117	18.6	7.5	Cầu phía trong (C3)

b. Loại tàu, thông số kỹ thuật của tàu lớn nhất Cầu cảng số 02 – Bến cảng Ba Ngòi có thể tiếp nhận

TT	Loại tàu	Trọng tải (DWT)	Lượng giãn nước (T)	Lt (m)	Bt (m)	Tc (m)	Ghi chú
1	Tàu tổng hợp	50,000	60,700	216.0	31.5	12.4	Tuyến mép bến phía ngoài (C2)
2	Tàu tổng hợp	3,000	4,245	92.0	14.2	5.7	Tuyến mép bến phía trong (C5)
3	Tàu container	50,000	66,900	280.0	35.8	13.0	Tuyến mép bến phía ngoài (C2)

7. Điều kiện cập, rời cầu cảng của tàu thuyền

7.1. Điều kiện cập cầu

a. Thời gian cập: 24/24.

b. Vận tốc cập tàu

- Cầu cảng Ba Ngòi:

+ Vận tốc cập tàu : $V_t \leq 0.15\text{m/s}$

- Cầu cảng số 02 – Bến cảng Ba Ngòi:

+ Vận tốc cập tàu cầu 50,000DWT : $V_t \leq 0.12\text{m/s}$

+ Vận tốc cập tàu cầu 3,000DWT : $V_t \leq 0.15\text{m/s}$

c. Góc cập tàu: $\alpha \leq 10^0$.

d. Vận tốc gió: $V_{\max} \leq 20.7\text{m/s}$ (gió cấp 8).

7.2. Điều kiện neo đậu tại cầu

- Vận tốc gió : $V_{\max} \leq 20.7\text{m/s}$ (gió cấp 8).

- Vận tốc dòng chảy : $V_d \leq 1.00\text{m/s}$.

- Chế độ sóng trong vịnh Cam Ranh là không lớn. Cầu cảng nằm khá sâu trong vịnh, được che chắn nhiều bởi địa hình khu vực do đó ảnh hưởng của sóng đến cảng là không lớn. Theo số liệu quan trắc sóng, độ cao sóng lớn nhất quan trắc được trong vịnh $< 0.75\text{m}$.

- Khi tàu neo buộc tại cầu cảng, phải buộc vào các bích neo với số lượng dây neo tuân thủ theo qui định kỹ thuật khai thác cầu cảng (ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-CHHVN do Cục Hàng hải Việt Nam ban hành ngày 10/03/2015), cụ thể như sau:

+ Buộc 2 dây khi chiều dài toàn phần tàu $L_t < 50\text{m}$ cho 2 dây dọc mũi lái và lái hoặc 02 dây chéo mũi và lái.

+ Buộc 4 dây khi $L_t \leq 150\text{m}$ cho 2 dây dọc và 2 hai dây chéo mũi và lái.

+ Buộc 6 dây khi $L_t \leq 250\text{m}$ cho 2 dây dọc, 2 dây ngang và 2 hai dây chéo mũi và lái.

- Trong những trường hợp bất thường xảy ra như thiên tai, gió bão từ cấp 8 trở lên ($V > 20.7\text{m/s}$) tất cả các tàu thuyền phải rời khỏi cầu cảng để tìm nơi trú đậu an toàn (không được neo buộc tại cầu cảng) theo quy định và yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

- Ngoài ra, trong quá trình khai thác và vận hành cảng cần tuân thủ nghiêm ngặt theo Quy định về khai thác cầu cảng số 109/QĐ-CHHVN do Cục Hàng hải Việt Nam ban hành ngày 10/03/2015 và các quy định pháp luật có liên quan.

8. Phương tiện, trang thiết bị hỗ trợ

8.1. Tàu lai dắt

Hiện tại Cảng Cam Ranh đang khai thác 02 tàu lai dắt gồm:

- Tàu Cam Ranh 04 có chiều dài 21,5m, chiều rộng 5,9m, mớn nước 1,9m, trọng tải toàn phần 26,50 MT, tổng công suất 960 HP (Loại tàu: Tug Boat).

- Tàu TLA-05 có chiều dài 23,08m, chiều rộng 5,8m, mớn nước 2m, trọng tải toàn phần 67.1T, tổng công suất 1500 HP (Loại tàu Tug Boat).

2350-
Y.CF
G
ANH
KHAN

8.2.Các thiết bị và nhân sự hỗ trợ

- Cảng có đủ chiều dài, không có chướng ngại vật trên mặt cầu và các điều kiện cần thiết khác như bích neo, đệm va tàu luôn được chuẩn bị sẵn sàng bảo đảm cho tàu thuyền cập cầu an toàn và các hoạt động bình thường khác của thuyền viên.

- Công ty đã trang bị các giàn đèn cao áp trên cầu cảng, các đèn chiếu sáng hỗ trợ trong việc đón tàu cập cảng và công tác xếp dỡ hàng hóa lên, xuống tàu vào ban đêm. Các đèn chiếu sáng được bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ và sửa chữa, thay thế khi bị hư hỏng đột xuất.

- Về nhân sự phục vụ việc buộc, cởi dây của tàu thuyền khi ra/vào cầu cảng:

+ Nhân sự buộc, cởi dây khi tàu cập, rời cầu cảng: Hiện tại Cảng Cam Ranh có tổ Cầu Bến được đào tạo nghiệp vụ buộc cởi dây tàu có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về buộc, mở dây neo tàu, vệ sinh cầu cảng.

+ Nhân sự xếp dỡ: Tất cả công nhân xếp dỡ hàng hóa tại Cảng đều được đào tạo, huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động, về quy trình công nghệ xếp dỡ hàng hóa, các nội quy, quy chế, quy định của Công ty. 100% lao động Công nhân bốc xếp đều đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ xếp dỡ hàng hóa tại Cảng Cam Ranh.

8.3.Hệ thống biển báo, chỉ dẫn an toàn lao động

- Biển báo giới hạn tốc độ trên đường giao thông nội bộ, khu vực cầu cảng, cầu dẫn.

- Các biển báo cấm hút thuốc, an toàn lao động được bố trí các khu vực trong Cảng.

- Công ty luôn đảm bảo các điều kiện về tình hình an ninh trật tự tại khu vực Cầu cảng, nơi tàu cập cầu bốc dỡ hàng hóa, bố trí nhân sự trực 24/24.

- Các phương tiện thông tin liên lạc được trang bị đầy đủ và duy trì sự hoạt động liên tục như bộ đàm, điện thoại, đảm bảo sự trao đổi các thông tin giữa các bộ phận trong suốt quá trình bốc dỡ hàng hóa.

- Công ty thực hiện việc khảo sát, công bố thông báo hàng hải độ sâu khu nước trước bến, vũng quay tàu, luồng hàng hải theo định kỳ 3 năm/lần.

- Việc kiểm định công trình cầu cảng và đánh giá an toàn công trình được thực hiện theo định kỳ 5 năm/lần đối với cầu cảng số 2 và 4 năm/lần đối với cầu cảng số 1 hoặc có thể được thực hiện đột xuất nhằm đảm bảo an toàn trong khai thác Cảng.

- Công ty thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường tại Cảng. Đối với công tác môi trường, Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị lưu chứa rác thải tại các vị trí cần thiết; thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân viên, khách hàng; ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại từ tàu, xử lý đúng quy định.

- Công ty có bố trí quỹ đất để thiết lập hệ thống giao thông nội bộ, tạo thuận lợi cho các phương tiện cơ giới, có lối đi bộ cho nhân viên thực hiện công việc tại Cảng.

- Công ty lắp đặt 02 trạm cân gồm 80 tấn tại khu vực hiện trường sản xuất để thực hiện việc kiểm soát tải trọng phương tiện ra, vào Cảng.

- Công tác kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị xếp dỡ, hệ thống phòng cháy chữa cháy được thực hiện theo định kỳ, sửa chữa khi có hư hỏng đột xuất.

8.4. Công trình phụ trợ

- 02 đường ống cấp nước sinh hoạt (10 họng cấp nước) công suất 30m³/h.

- 02 đường ống cấp nước PCCC (10 họng chữa cháy) công suất 30m³/h.

- 02 máy bơm nước công suất 50m³/h/bơm.

- 05 Trụ đèn chiếu sáng cao <30m công suất 1,000 kw.

- 02 Tủ cấp điện hạ thế công suất 320-560 kw.

- 117 Đệm chống va các loại.

- 50 Bích neo tàu các loại.

9. Thiết bị phục vụ bốc xếp hàng hóa tại cảng

a. Cầu cố định

Cầu cố định: Tại phân đoạn 2 Bến số 1 được bố trí một cầu cố định Liebherr FCC-CBW 40/29.5ST sức nâng lớn nhất 40T, tầm với lớn nhất 29.5m.

b. Cầu di động

- Cầu di động liên danh giữa Cảng Cam Ranh và Quảng Hưng hợp tác đầu tư: cầu bờ di động Gottwald HMK 280E sức nâng 47 tấn/11-31 mét; 47-28 tấn/31-44 mét, cầu chỉ hoạt động được trên Cầu Cảng số 02 – Bến Cảng Ba Ngòi.

- Cầu bờ di động Sany SCC 1800A sức nâng 92-67 tấn/08-12 mét; 54 – 40 tấn/13-18 mét; 26-13.5 tấn/19-38 mét. Cầu Sany hoạt động khai thác trên Cầu Cảng Ba Ngòi và Cầu Cảng số 02 – Bến Cảng Ba Ngòi.

- Ngoài ra, Cảng còn một số trang thiết bị phục vụ xếp dỡ hàng hóa khác: Xe cầu bánh lốp, xe nâng 14T, phễu, trạm cân, gầu ngoạm... và một số thiết bị thuê ngoài: 02 cần trục bánh xích 150T, 02 cần trục bánh xích 30T, hệ thống băng tải, xe xúc lật, xe đào, xe ủi, ...

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính gửi báo cáo đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ hàng hải Nha Trang được biết.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại diện CVHHNT tại Cam Ranh;
- Lưu VT, KHĐT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Văn Thắng